

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành  
lĩnh vực quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết  
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của  
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày  
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị  
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của  
Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của  
Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số  
hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 1610/QĐ-BTC ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Bộ  
Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực  
quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số  
3249/TTr-SNN ngày 30 tháng 8 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre (Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng dự thảo Quyết định phê duyệt 01 quy trình nội bộ mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Tài chính;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Phòng KSTT, KT, TCĐT, TTPVHCC;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Nghị.



**Trần Ngọc Tam**





**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP**  
**VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BẾN TRE**  
(Kèm theo Quyết định số 1951 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

**Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực: Quản lý công sản</b>					
1	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng Mã TTHC: 1.011769	75 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định Tổ 10, khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Không có	Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch



**Phụ lục II**  
**NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP**  
**VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BẾN TRE**  
(Kèm theo Quyết định số 1951 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

**LĨNH VỰC: QUẢN LÝ CÔNG SẢN**

**Thủ tục: Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng - Mã TTHC: 1.011769**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Doanh nghiệp đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung lập hồ sơ đề nghị giao tài sản theo hình thức có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định Tổ 10, khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, tết) hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Sở văn bản kèm theo bản sao hồ sơ gửi lấy ý kiến của Sở Tài chính và cơ quan có liên quan.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến tham gia về việc giao tài sản.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Sở văn bản đề nghị (kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan) trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo hình thức có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản không phù hợp.

**2. Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ theo 01 trong 03 cách thức sau:

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre;

+ Gửi qua đường bưu điện;

+ Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn/> hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**



a) Thành phần hồ sơ: quy định tại điểm a khoản 7 Điều 26 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Văn bản đề nghị được giao tài sản theo hình thức có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước (giải trình quá trình được giao hoặc tạm giao quản lý; thực trạng việc quản lý, sử dụng và lý do đề xuất giao theo hình thức có hoàn trả; với doanh nghiệp có vốn nhà nước có thêm ý kiến bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc lựa chọn hình thức giao tài sản có hoàn trả giá trị) \* : 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị được giao tài sản có hoàn trả (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản) \* : 01 bản chính;

- Biên bản kiểm tra hiện trạng quản lý tài sản; hồ sơ, tài liệu bàn giao, tạm bàn giao tài sản cho doanh nghiệp \* : 01 bản chính;

- Hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc đầu tư tăng thêm vào tài sản (như: văn bản, quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, quyết toán) \* : 01 bản sao;

- Báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong thời gian quản lý \* : 01 bản sao;

- Hồ sơ liên quan khác \* : 01 bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời hạn giải quyết:** 75 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** doanh nghiệp đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung.

**6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch./.

\* Thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa